TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23/4/2024.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hòa và ông Trần Văn Thành.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Ông Phạm Thật- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H1 vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1,Tại đơn khởi kiện ngày 17/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2009 tại UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh H1 và bố mẹ anh H1, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Đến năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng chở nên trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là Nguyễn Mạnh H2, sinh ngày 10/7/2013 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/11/2016. Hiện nay cháu H2 đang ở cùng

chị còn cháu M đang ở cùng anh H1. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và nhất trí giao cháu M cho anh H1 được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

2, Phía bị đơn anh Nguyễn Văn H1: Tòa án nhân dân huyện C đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh H1 đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2024 bà Nguyễn Thị Bích Đ (mẹ đẻ anh H1) trình bày: Anh H1 là con trai bà, chị H là con dâu. Anh H1 và chị H được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 16/12/2009 tại UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không bảo ban được nhau, nên chung sống không có hạnh phúc. Khi anh H1, chị H phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ năm 2023 chị H đã ra ngoài thuê địa điểm để bán hàng ăn, từ đó không quay về chung sống cùng anh H1 và gia đình bà nữa. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh H1 bà mong muốn anh chị quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Nguyễn Mạnh H2, sinh ngày 10/7/2013 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/11/2016. Từ khi chị H ra ngoài ở riêng thì cháu H2 ở cùng chị H, còn cháu M ở cùng anh H1 và bà tại khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Anh H1 biết rõ việc chị H xin ly hôn nhưng do bận công việc nên anh H1 không đến Tòa án làm việc được. Khi anh chị ly hôn bà đề nghị Tòa án giao cháu H2 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu M cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh H1 trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Chị H và anh H1 không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay.

4, Nguyện vọng của cháu Nguyễn Mạnh H2 và cháu Nguyễn Hà M: Cháu H2 có nguyện vọng xin ở với chị H; cháu M có nguyện vọng xin ở với anh H1.

5, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Minh Tân ngày 13/3/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2009 tại UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không bảo ban được nhau, nên chung sống không có hạnh phúc. Khi anh H1, chị H phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ năm 2023 chị H đã ra ngoài thuê địa điểm để bán hàng ăn, từ đó không quay về chung sống cùng anh H1 nữa. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Thực tế cuộc sống vợ chồng của anh chị hiện nay không còn chung sống cùng nhau. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Mạnh H2, sinh ngày 10/7/2013 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/11/2016. Từ khi chị H ra ngoài ở riêng thì cháu H2 ở cùng chị H, còn cháu M ở cùng anh H1 và mẹ đẻ anh H1 là bà

Đ. Nay chị H xin ly hôn anh H1, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Mạnh H2, sinh ngày 10/7/2013 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Hoàng thành n (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/11/2016 cho anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi)). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị H, anh H1 được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh H1 có hộ khẩu thường trú tại khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị H có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh H1 đã được Toà án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H1 vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238

Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 16/12/2009 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, đó ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1. Phía anh H1 được Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh H1 có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Bà Nguyễn Thị Bích Đ (mẹ đẻ anh H1) xác nhận sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không bảo ban được nhau, nên chung sống không có hạnh phúc. Khi anh H1, chị H phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ năm 2023 chị H đã ra ngoài thuê địa điểm để bán hàng ăn, từ đó không quay về chung sống cùng anh H1 và gia đình bà nữa. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh H1 bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị H và anh H1 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau nên không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H anh H1 có 02 con chung là Nguyễn Mạnh H2, sinh ngày 10/7/2013 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/11/2016. Khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và nhất trí giao cháu M cho anh H1 được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét thấy hiện nay cháu H2 đang ở cùng chị H còn cháu M đang ở cùng anh H1. Nguyện vọng của cháu H2 xin được ở với chị H và cháu M xin được ở với anh H1. Để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của các con chung cần giao cháu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu M cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H xác nhận không

có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Mạnh H2, sinh ngày 10/7/2013 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Hoàng thành n (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/11/2016 cho anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi)). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị H, anh H1 được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004788 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã M;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu H3